

V/v Mời quan tâm cung cấp báo giá, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (Công ty) gửi tới Quý các đơn vị quan tâm lời chào trân trọng và hợp tác.

Hiện nay, Công ty đang có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động SXKD của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh với chủng loại, số lượng theo phụ lục chi tiết kèm theo.

Bằng văn bản này, Công ty xin thông báo và mời các đơn vị quan tâm cung cấp báo giá theo mẫu tại Phụ lục chi tiết kèm theo. Để phục vụ công việc, báo giá thể hiện rõ, đầy đủ các nội dung sau:

- Hiệu lực của báo giá.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ.
- Đơn giá và các chi phí liên quan đến việc giao hàng tại Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh (như thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển ...).
- Trong trường hợp model của hàng hóa tại Phụ lục chi tiết kèm theo đã ngừng sản xuất và thay thế bằng model tương đương hoặc tốt hơn. Đề nghị đơn vị cung cấp thông tin thay thế của Nhà sản xuất và báo giá theo model đã được thay thế.

Tài liệu báo giá xin gửi về Phòng KHVT – Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh – Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 4, Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 02033.657539 - Fax: 02033.657540 hoặc qua Gmail: kehoachvattu.ndqn@gmail.com.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website Công ty (IT t/hiện);
- Lưu: VT, KHVT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Việt Dũng**

**Phụ lục**

(kèm theo Công văn số

/NĐQN-KHVT ngày ...../...../2026)

**BÁO GIÁ**

.....,Ngày ..... tháng ..... năm 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Địa chỉ: Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 4, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Sau khi xem xét, Công ty..... xin gửi tới Quý khách hàng báo giá cung cấp vật tư, thiết bị theo bảng dưới đây:

Hiệu lực báo giá: ..... ngày;

Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh;

Tiến độ cung cấp: Trong vòng ..... ngày kể từ ngày có xác nhận đặt hàng.

| STT | Tên VT     | Thông số Kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tuýp mãc mã | Nhà sx | Xuất xứ | Túy mác mã<br>(Nhà thầu đề<br>xuất trong<br>trường hợp có<br>model thay<br>thế) | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn<br>giá<br>(trước<br>VAT) | Thành<br>tiền<br>(trước<br>VAT) | Mức<br>VAT |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|---------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|------------------------------|---------------------------------|------------|
| 1.  | Lịch lò xo | -Kích thước: (45x55) cm; Chất liệu: giấy couche matt 230 gsm; Vỏ nẹp: Lò xo đỉnh (loại lò xo cứng); Thiết kế nội dung: 7 tờ lịch tương ứng 7 maket khác nhau,In offset cao cấp 4 màu CMYK, thể hiện hình ảnh và nội dung theo yêu cầu của Công ty bao gồm hình ảnh các danh lam, thắng cảnh, hình ảnh các sự kiện, hoạt động của Công ty cổ phần nhiệt điện QN và các nội dung thông tin theo yêu cầu từ phía Công ty - Thiết kế |             |        |         |                                                                                 | Quyển          | 1.200       |                              |                                 |            |

|    |                                                             |                                                                                                                                                                      |  |  |  |  |       |    |  |  |  |
|----|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|-------|----|--|--|--|
|    |                                                             | và in độc quyền                                                                                                                                                      |  |  |  |  |       |    |  |  |  |
| 2. | Sổ ghi thông số máy phát MBA                                | In 1 mặt khổ giấy A3; đóng quyền 32 tờ/quyển; Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính)   |  |  |  |  | Quyển | 48 |  |  |  |
| 3. | Sổ theo dõi PCT                                             | In hai mặt; khổ giấy A3; đóng quyền 30 tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính) |  |  |  |  | Quyển | 60 |  |  |  |
| 4. | Sổ theo dõi công tác vận hành thiết bị tại chỗ trực chính 1 | In hai mặt; khổ giấy A4; đóng quyền 70 tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính) |  |  |  |  | Quyển | 12 |  |  |  |
| 5. | Sổ theo dõi thiết bị tại chỗ trực phụ điện thiết bị phụ QN1 | In hai mặt; khổ giấy A4; đóng quyền 93tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính)  |  |  |  |  | Quyển | 12 |  |  |  |
| 6. | Sổ NKVH Trục chính C&I                                      | In hai mặt; khổ giấy A4; đóng quyền 70 tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính) |  |  |  |  | Quyển | 24 |  |  |  |
| 7. | Sổ theo dõi kết quả phân tích mẫu than Mịn                  | In 1 mặt giấy A4, đóng quyền 31 tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính)        |  |  |  |  | Quyển | 12 |  |  |  |
| 8. | Sổ theo dõi tiêu hao than dầu                               | In 1 mặt giấy A4, đóng quyền 10 tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính)        |  |  |  |  | Quyển | 12 |  |  |  |
| 9. | Sổ NKVH                                                     | In hai mặt; khổ giấy A4; đóng quyền 70                                                                                                                               |  |  |  |  | Quyển | 24 |  |  |  |

|     |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |  |  |  |       |    |  |  |  |
|-----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|-------|----|--|--|--|
|     | Trưởng kíp điện                                  | tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ .<br>Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính)                                                                                                                                                            |  |  |  |  |       |    |  |  |  |
| 10. | Sổ NKVH<br>Trưởng kíp Lò máy                     | In hai mặt; khổ giấy A4; đóng quyển 70 tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ .<br>Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính)                                                                                                                     |  |  |  |  | Quyển | 24 |  |  |  |
| 11. | Sổ NKVH<br>Máy trưởng                            | In hai mặt; khổ giấy A4; đóng quyển 70 tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ .<br>Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính)                                                                                                                     |  |  |  |  | Quyển | 96 |  |  |  |
| 12. | Sổ NKVH<br>Trực chính FGD                        | In hai mặt; khổ giấy A4; đóng quyển 70 tờ/quyển Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ .<br>Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính)                                                                                                                     |  |  |  |  | Quyển | 48 |  |  |  |
| 13. | Nhật ký huấn luyện nghiệp vụ<br>PCCC&CNCH        | In hai mặt; khổ giấy A4; đóng quyển 50 tờ/quyển; Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ .<br>Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính. Mặt trước: Là mặt có chữ ký của bên nhận và giao ca)                                                               |  |  |  |  | Quyển | 40 |  |  |  |
| 14. | Sổ nhật ký tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy | In hai mặt; khổ giấy A4 in ngang; đóng quyển 93 tờ/quyển; Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao gồm cả bìa màu xanh lá cây và bìa bóng kính). Lưu ý: Trang đầu tiên của sổ (không bao gồm trang bìa) là mặt có chữ ký của người trực thông tin và Chỉ huy |  |  |  |  | Quyển | 40 |  |  |  |
| 15. | Sổ giao nhận ca trực sẵn sàng chữa               | In hai mặt; khổ giấy A4 in ngang; đóng quyển 50 tờ/quyển; Định lượng giấy $\geq 80\text{g/m}^2$ . Độ trắng (ISO) $\geq 80\%$ (bao                                                                                                                                                           |  |  |  |  | Quyển | 40 |  |  |  |

|     |              |                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |  |  |     |       |  |  |  |
|-----|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|-----|-------|--|--|--|
|     | cháy và CNCH | gồm cả bì màu xanh lá cây và bì bóng kính).                                                                                                                                                                                      |  |  |  |  |     |       |  |  |  |
| 16. | Phong bì thư | Kích thước khoảng 110x220mm hoặc 120x220mm, giấy trắng định lượng 100–120g/m <sup>2</sup> , in viền sọc đỏ xanh quanh phong bì, có ô người gửi, người nhận, ô tem, dòng mã bưu chính, chữ VIA AIR MAIL và logo Bưu điện Việt Nam |  |  |  |  | Cái | 1.000 |  |  |  |